kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 3 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: HÓA HỌC - LỚP 10

*Thời gian làm bài: **50 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 09/10/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: H10.CK1.025

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sắp xếp nào sau đây đúng theo chiều tăng dần độ mạnh?

A. liên kết cộng hoá trị, liên kết hydrogen, tương tác van der Waals

B. tương tác van der Waals, liên kết hydrogen, liên kết cộng hoá trị

C. liên kết hydrogen, tương tác van der Waals, liên kết cộng hoá trị

D. tương tác van der Waals, liên kết cộng hoá trị, liên kết hydrogen

Câu 2. Trong chu kì 4, đi từ K đến Br theo chiều tăng dần điện tích hạt nhân, tính base của các hydroxide tương ứng

A. tăng dần, đồng thời tính acid giảm dần

B. không đổi

C. giảm dần, đồng thời tính acid tăng dần

D. giảm dần, đồng thời tính acid cũng giảm dần

Câu 3. Bốn thẻ dữ liệu dưới đây được ghi cho **cùng một** mẫu nguyên tố. Nhật kí phòng thí nghiệm xác nhận **đúng một** thẻ bị chép nhầm từ mẫu bên cạnh, nhưng không ghi thẻ nào.

Bản ghi	Nội dung
$R1$	Ion bền của mẫu là R^{2+}, có cấu hình electron $1s^2\ 2s^2\ 2p^6\ 3s^2\ 3p^6$.
$R2$	Mẫu thuộc chu kì 2.
$R3$	Oxide cao nhất của mẫu có dạng RO (với R là kí hiệu của mẫu).
$R4$	So với Mg, bán kính nguyên tử của mẫu NHỎ HƠN.

Các nguyên tố ứng viên là Be, Ca. Vị trí của chúng và của nguyên tố mốc Mg trên bảng tuần hoàn rút gọn:

Chu kì	Nhóm IIA
2	Be (ứng viên)
3	Mg (mốc)
4	Ca (ứng viên)

Quy ước dùng trong bài (chỉ dùng đúng những gì ghi ở đây):

Quy ước	Nội dung
Ion bền	Nguyên tố nhóm IA đến IIIA nhường hết electron lớp ngoài cùng; nguyên tố nhóm VA đến VIIA nhận thêm electron cho đủ tám.
Oxide cao nhất	Nhóm IA: R_2O IIA: RO IIIA: R_2O_3 VA: R_2O_5 VIA: RO_3 VIIA: R_2O_7.
Xu hướng	Trong cùng chu kì, Z tăng thì bán kính nguyên tử giảm và độ âm điện tăng. Trong cùng nhóm A, Z tăng thì bán kính nguyên tử tăng và độ âm điện giảm.
So sánh hợp lệ	Chỉ so xu hướng giữa hai nguyên tố CÙNG chu kì hoặc CÙNG nhóm A; ngoài hai trường hợp đó thì không kết luận được.

Hỏi: cặp nào gồm nguyên tố của mẫu và mã thẻ bị chép nhầm?

A. Mẫu là Ca bản ghi bị chép nhầm là $R4$.
B. Mẫu là Be bản ghi bị chép nhầm là $R1$.
C. Mẫu là Ca bản ghi bị chép nhầm là $R2$.
D. Mẫu là Be bản ghi bị chép nhầm là $R3$.

Câu 4. Nguyên tử silicon (Si, $Z = 14$) có electron phân bố theo lớp là $2, 8, 4$. Xét lớp electron thứ 2 (lớp L) của nguyên tử ấy. Lớp ấy còn nhận thêm được tối đa bao nhiêu electron nữa thì đầy?

A. 4 **B.** 0 **C.** 16 **D.** 8

Câu 5. Nguyên nhân của sự biến đổi tuần hoàn tính chất các nguyên tố là

A. số lớp electron tăng dần qua mỗi chu kì
B. khối lượng nguyên tử tăng dần
C. số proton trong hạt nhân tăng đều đặn
D. cấu hình electron lớp ngoài cùng của nguyên tử biến đổi tuần hoàn

Câu 6. Nguyên tử fluorine có kí hiệu F và số hiệu nguyên tử $Z = 9$. Cấu hình electron của nguyên tử ấy là

A. $1s^2\ 2s^7$ **B.** $1s^2\ 2s^2\ 2p^4$ **C.** $1s^2\ 2s^2\ 2p^5$ **D.** $1s^2\ 2s^2\ 2p^6$

Câu 7. Phân tử oxygen (O_2) có bao nhiêu cặp electron dùng chung?

A. 2 **B.** 0 **C.** 1 **D.** 4

Câu 8. Trong tiến trình nghiên cứu hóa học, bước "nêu giả thuyết" có nội dung là

A. Chọn dụng cụ, hóa chất và cách đo phù hợp.

B. Nêu rõ câu hỏi cần trả lời.

C. Tính toán, lập bảng, vẽ đồ thị và ước lượng sai số.

D. Đưa ra dự đoán có thể kiểm tra được bằng thí nghiệm.

Câu 9. Lớp vỏ nguyên tử được tạo nên từ

A. các electron chuyển động quanh hạt nhân.

B. các proton chuyển động quanh hạt nhân.

C. các neutron chuyển động quanh hạt nhân.

D. các proton và neutron.

Câu 10. Trên phổ khối lượng của một nguyên tố, hoành độ mỗi tín hiệu cho biết

A. phần trăm số nguyên tử của đồng vị ấy trong hỗn hợp các đồng vị của nguyên tố.

B. nguyên tử khối trung bình của nguyên tố, tính từ mọi đồng vị có trong mẫu.

C. tỉ số m/z, ứng với số khối của một đồng vị khi ion mang một đơn vị điện tích.

D. số proton của nguyên tố, nên mỗi tín hiệu ứng với một nguyên tố khác nhau.